

Số: /2025/TT-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**DỰ THẢO****THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân trong thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong Quân đội**

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân trong thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong Quân đội

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ quy định tại Điều 7, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 14 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân trong thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

**Điều 2. Đối tượng****1. Đối tượng áp dụng**

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng;
- Người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

**2. Đối tượng chưa xem xét áp dụng thực hiện chính sách, chế độ**

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân là nữ

đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; trừ trường hợp đủ điều kiện, cá nhân tự nguyện phục viên, nghỉ thôi việc hoặc nghỉ hưu trước tuổi.

b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

**Điều 3. Cách xác định thời điểm làm căn cứ tính hưởng chính sách, chế độ đối với các trường hợp nghỉ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên và từ tháng thứ 13 trở đi; tiền lương tháng để tính hưởng chính sách, chế độ**

1. Thời điểm quyết định sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy đối với các cơ quan, đơn vị Quân đội của cấp có thẩm quyền là thời điểm quyết định về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy nêu trên có hiệu lực thi hành.

a) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định trên có hiệu lực thi hành, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được cấp có thẩm quyền quyết định phục viên, nghỉ thôi việc hoặc quyết định nghỉ hưu trước tuổi, so với hạn tuổi phục vụ cao nhất (bao gồm cả các trường hợp không nghỉ chuẩn bị hưu hoặc nghỉ hưu không hết thời gian nghỉ chuẩn bị hưu theo quy định) hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 Thông tư này thì được tính hưởng chính sách, chế độ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên.

b) Sau thời hạn quy định tại điểm a khoản này thì được tính hưởng chính sách, chế độ từ tháng thứ 13 trở đi.

2. Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP để tính hưởng chính sách, chế độ khi phục viên, nghỉ thôi việc hoặc nghỉ hưu trước tuổi, như sau:

Tiền lương tháng hiện hưởng, gồm: Tiền lương theo cấp bậc quân hàm, loại, nhóm, ngạch, bậc cộng các khoản phụ cấp lương (nếu có); gồm: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp công vụ; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp đặc thù; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội, cụ thể:

Tiền lương tháng hiện hưởng	=	Hệ số lương theo cấp bậc quân hàm, loại, nhóm, ngạch, bậc		x	Mức lương cơ sở	+	Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)		x	Mức lương cơ sở	+	Mức tiền các khoản phụ cấp lương (gồm: Phụ cấp công vụ; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp đặc thù; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội, nếu có)

Mức lương cơ sở để tính tiền lương tháng hiện hưởng nêu trên là mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại thời điểm trước tháng liền kề tháng phục viên, nghỉ thôi việc hoặc nghỉ việc hưởng lương hưu hằng tháng.

#### **Điều 4. Cách xác định thời gian và hạn tuổi để tính hưởng chính sách, chế độ**

1. Số tháng nghỉ hưu trước tuổi để tính hưởng trợ cấp hưu trí một lần là số tháng tính từ tháng có quyết định nghỉ việc hưởng lương hưu hằng tháng của cấp có thẩm quyền so với hạn tuổi phục vụ cao nhất theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều này; tối đa không quá 60 tháng.

2. Số năm nghỉ hưu trước tuổi để tính hưởng trợ cấp cho số năm nghỉ hưu trước tuổi là số năm được tính từ tháng có quyết định hưởng lương hưu hằng tháng của cấp có thẩm quyền so với hạn tuổi phục vụ cao nhất theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều này.

3. Số tháng để tính hưởng trợ cấp phục viên, nghỉ thôi việc hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Thông tư này là thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và lực lượng vũ trang; tối đa không quá 60 tháng.

4. Thời gian để tính hưởng trợ cấp theo số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hướng dẫn tại **điểm b**, điểm c khoản 1; **điểm b**, điểm c khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 7 Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

5. Cách xác định hạn tuổi cao nhất để tính hưởng chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi

a) Hạn tuổi phục vụ cao nhất

Đối với sĩ quan thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 52/2024/QH15.

Đối với quân nhân chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13.

Đối với công nhân và viên chức quốc phòng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13.

Đối với người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13; Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.

b) Cấp bậc quân hàm để xác định hạn tuổi cao nhất

Cấp bậc quân hàm để xác định hạn tuổi cao nhất là cấp bậc quân hàm của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại thời điểm có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) của cấp có thẩm quyền.

c) Cách xác định tuổi của các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi

Tuổi để xác định các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi so với hạn tuổi theo hướng dẫn tại điểm a khoản này được tính từ tháng sinh đến tháng liền kề trước khi hưởng lương hưu hằng tháng.

### **Điều 5. Cách tính hưởng chính sách đối với các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi**

Trường hợp đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi được hưởng chính sách, chế độ quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ hưu trước tuổi; trợ cấp cho số năm nghỉ hưu trước tuổi và trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được hướng dẫn thực hiện, như sau:

1. Đối với trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến hạn tuổi cao nhất theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 Thông tư này, được hưởng 03 khoản trợ cấp sau:

a) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ hưu trước tuổi:

Nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp} \\ \text{hưu trí} \\ \text{một lần} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương tháng hiện} \\ \text{hưởng quy định tại khoản} \\ \text{2 Điều 3 Thông tư này} \end{array} \times 1,0 \times \begin{array}{l} \text{Số tháng nghỉ hưu} \\ \text{trước tuổi quy định} \\ \text{tại khoản 1 Điều 4} \\ \text{Thông tư này} \end{array}$$

Nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp} \\ \text{hưu trí} \\ \text{một lần} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương tháng hiện} \\ \text{hưởng quy định tại khoản} \\ \text{2 Điều 3 Thông tư này} \end{array} \times 0,5 \times \begin{array}{l} \text{Số tháng nghỉ hưu} \\ \text{trước tuổi quy định} \\ \text{tại khoản 1 Điều 4} \\ \text{Thông tư này} \end{array}$$

b) Cách tính trợ cấp cho số năm nghỉ hưu trước tuổi: Cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi (đủ 12 tháng) được hưởng 05 tháng tiền lương hiện hưởng.

$$\begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp} \\ \text{cho số năm} \\ \text{nghỉ hưu} \\ \text{trước tuổi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương tháng hiện} \\ \text{hưởng quy định tại khoản} \\ \text{2 Điều 3 Thông tư này} \end{array} \times 5 \times \begin{array}{l} \text{Số năm nghỉ hưu} \\ \text{trước tuổi quy định} \\ \text{tại khoản 2 Điều 4} \\ \text{Thông tư này} \end{array}$$

c) Cách tính trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

Được trợ cấp 5 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Mức trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x	5 (đối với 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc)	+	0,5 x	Số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ năm thứ 21 trở đi
--	---	--	---	--	---	-------	---

**Ví dụ 01:** Đồng chí Trần Văn Long, sinh tháng 5/1971, nhập ngũ tháng 02/1990, cấp bậc Đại tá, chức vụ Trợ lý công tác tại Cục A, Cơ quan Bộ Tổng Tham mưu. Theo quy định, đến hết tháng 5/2029 đồng chí Long đủ 58 tuổi, hết hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm Đại tá. Tháng 3/2025 đơn vị đồng chí Long sáp nhập với đơn vị khác; đồng chí Long được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi từ ngày 01/6/2025 và hưởng lương hưu ngay, đủ 54 tuổi (không nghỉ chuẩn bị hưu). Đồng chí Long thuộc trường hợp nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi là 04 năm (48 tháng) và có 35 năm 04 tháng công tác trong Quân đội có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Giả sử tháng tiền lương hiện hưởng trước thời điểm nghỉ hưu (tháng 5/2025) của đồng chí Long là 30.000.000 đồng; ngoài được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Long còn được hưởng các chế độ sau:

Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ hưu trước tuổi là: 30.000.000 đồng x 1,0 tháng x 48 tháng nghỉ hưu trước tuổi = 1.440.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần đối với số năm nghỉ hưu trước tuổi là: 30.000.000 đồng x 05 tháng x 04 năm nghỉ hưu trước tuổi = 600.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 30.000.000 đồng x {05 tháng + (0,5 x 15,5 năm)} = 382.500.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp của đồng chí Long được hưởng là: 2.422.500.000 đồng.

**Ví dụ 02:** Cùng là đồng chí Trần Văn Long như nêu tại ví dụ 01; tuy nhiên, cấp có thẩm quyền quyết định đồng chí Long nghỉ hưu trước hạn tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/6/2025 đến ngày 31/5/2026, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/6/2026. Trường hợp, đồng chí Long nghỉ chuẩn bị hưu hết thời gian nêu trên sẽ được hưởng chính sách, chế độ của đối tượng nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực. Đồng chí Long có nguyện vọng nghỉ chuẩn bị hưu không hết thời gian và nghỉ hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/01/2026, được cấp có thẩm quyền đồng ý theo nguyện vọng; theo đó, đồng chí Long đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ của đối tượng nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực (số tháng nghỉ hưu trước tuổi là 41 tháng; số năm nghỉ hưu trước tuổi là 03 năm 05 tháng; thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 35 năm 11 tháng).

**Ví dụ 03:** Cùng là đồng chí Trần Văn Long như tại ví dụ 01; đồng chí Long được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/6/2025 đến ngày 31/5/2026, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/6/2026 (đủ 55 tuổi); đồng chí Long thuộc trường hợp nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; thời gian nghỉ trước hạn tuổi là 03 năm (36 tháng); ngoài được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Long còn được hưởng trợ cấp theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này (thuộc trường hợp nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực).

**Ví dụ 04:** Cùng là đồng chí Trần Văn Long như nêu tại ví dụ 01; giả sử tháng 3/2027, đơn vị đồng chí Long sáp nhập với đơn vị khác; đồng chí Long được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/6/2027 đến ngày 31/5/2028, hưởng lương hưu hằng tháng kể từ ngày 01/6/2028 (đủ 57 tuổi); theo đó, đồng chí Long thuộc trường hợp được hưởng trợ cấp hưu trí một lần đối với đối tượng có tuổi đời còn dưới 02 năm đến hạn tuổi cao nhất và thuộc đối tượng nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

Tuy nhiên, đồng chí Long có nguyện vọng nghỉ hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu), hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/6/2027 (đủ 56 tuổi), được cấp có thẩm quyền đồng ý theo nguyện vọng; theo đó, đồng chí Long đủ điều kiện hưởng 03 khoản trợ cấp một lần theo hướng dẫn tại Khoản này đối với đối tượng có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến hạn tuổi cao nhất và thuộc trường hợp nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

2. Đối với trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến hạn tuổi cao nhất theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 Thông tư này, được hưởng 03 khoản trợ cấp sau:

a) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ hưu trước tuổi:

Nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực:

$$\text{Mức trợ cấp hưu trí một lần} = \text{Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này} \times 0,9 \times 60 \text{ tháng}$$

Nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực:

$$\text{Mức trợ cấp hưu trí một lần} = \text{Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này} \times 0,45 \times 60 \text{ tháng}$$

b) Cách tính trợ cấp cho số năm nghỉ hưu trước tuổi: Cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi (đủ 12 tháng) được hưởng 04 tháng tiền lương hiện hưởng.

$$\begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp} \\ \text{cho số năm} \\ \text{nghỉ hưu} \\ \text{trước tuổi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương tháng hiện} \\ \text{hưởng quy định tại khoản} \\ \text{2 Điều 3 Thông tư này} \end{array} \times 4 \times \begin{array}{l} \text{Số năm nghỉ hưu} \\ \text{trước tuổi quy định} \\ \text{tại khoản 2 Điều 4} \\ \text{Thông tư này} \end{array}$$

c) Cách tính trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

Được trợ cấp 5 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

$$\begin{array}{|l} \text{Mức trợ cấp} \\ \text{tính theo thời} \\ \text{gian công tác} \\ \text{có đóng bảo} \\ \text{hiểm xã hội} \\ \text{bắt buộc} \end{array} = \begin{array}{|l} \text{Tiền lương} \\ \text{tháng hiện} \\ \text{hưởng quy định} \\ \text{tại khoản 2} \\ \text{Điều 3 Thông} \\ \text{tư này} \end{array} \times \begin{array}{|l} 5 \text{ (đối với 20} \\ \text{năm đầu công} \\ \text{tác có đóng} \\ \text{bảo hiểm xã} \\ \text{hội bắt buộc)} \end{array} + 0,5 \times \begin{array}{|l} \text{Số năm công} \\ \text{tác có đóng bảo} \\ \text{hiểm xã hội bắt} \\ \text{buộc còn lại từ} \\ \text{năm thứ 21 trở đi} \end{array}$$

**Ví dụ 05:** Đồng chí Hoàng Văn Mạnh, sinh tháng 7/1976, nhập ngũ tháng 9/1995, cấp bậc Thượng tá, chức vụ Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự huyện C. Theo quy định đến tháng 7/2032 đồng chí Mạnh đủ 56 tuổi, hết hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm Thượng tá. Tháng 4/2025 đơn vị đồng chí Mạnh sáp nhập với đơn vị khác; đồng chí Mạnh được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi kể từ ngày 01/8/2025 và hưởng lương hưu ngay, đủ 49 tuổi (không nghỉ chuẩn bị hưu). Đồng chí Mạnh thuộc trường hợp nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi là 07 năm (84 tháng) và có 29 năm 11 tháng công tác trong Quân đội có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Giả sử tháng tiền lương hiện hưởng trước thời điểm nghỉ hưu (tháng 7/2025) của đồng chí Mạnh là 25.500.000 đồng; ngoài được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Mạnh còn được hưởng các chế độ sau:

Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ hưu trước tuổi là: 25.500.000 đồng x 0,9 tháng x 60 tháng nghỉ hưu trước tuổi = 1.377.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần đối với số năm nghỉ hưu trước tuổi là: 25.500.000 đồng x 04 tháng x 07 năm nghỉ hưu trước tuổi = 714.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 25.500.000 đồng x {05 tháng + (0,5 x 10 năm)} = 255.000.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp của đồng chí Mạnh được hưởng là: 2.346.000.000 đồng.

**Ví dụ 06:** Cùng là đồng chí Hoàng Văn Mạnh như nêu tại ví dụ 05; tuy nhiên, cấp có thẩm quyền quyết định đồng chí Mạnh nghỉ hưu trước hạn tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/8/2025 đến ngày 31/7/2026, hưởng lương hưu hàng tháng kể từ ngày 01/8/2026. Trường hợp, đồng chí

Mạnh nghỉ chuẩn bị hưu hết thời gian nêu trên sẽ được hưởng chính sách, chế độ của đối tượng nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

Đồng chí Mạnh có nguyện vọng nghỉ chuẩn bị hưu không hết thời gian và nghỉ hưởng lương hưu hằng tháng kể từ ngày 01/02/2026, được cấp có thẩm quyền đồng ý theo nguyện vọng; theo đó, đồng chí Mạnh đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ đối với đối tượng nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

3. Trường hợp có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 Thông tư này thì được hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ hưu trước tuổi; cách tính hưởng trợ cấp hưu trí một lần theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều này.

**Ví dụ 07:** Đồng chí Lê Minh Quân, sinh tháng 4/1973, nhập ngũ tháng 02/1992, cấp bậc Trung tá, chức vụ Trợ lý Bình chủng Ban Chỉ huy quân sự huyện B. Theo quy định đến hết tháng 4/2027 đồng chí Quân đủ 54 tuổi, hết hạn tuổi phục vụ cao nhất theo cấp bậc quân hàm Trung tá. Tháng 3/2025 đơn vị đồng chí Quân sáp nhập với đơn vị khác; đồng chí Quân được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/5/2025 đến ngày 30/4/2026, hưởng lương hưu hằng tháng kể từ ngày 01/5/2026 (đủ 53 tuổi). Đồng chí Quân thuộc trường hợp nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; thời gian nghỉ trước hạn tuổi là 01 năm (12 tháng) và có 34 năm 03 tháng công tác trong Quân đội có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Giả sử tháng tiền lương hiện hưởng trước thời điểm nghỉ hưu (tháng 4/2026) của đồng chí Quân là 22.000.000 đồng; ngoài được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Quân còn được hưởng chế độ sau:

Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ hưu trước tuổi là: 22.000.000 đồng x 0,5 tháng x 12 tháng nghỉ hưu trước tuổi = 132.000.000 đồng.

**Ví dụ 08:** Cùng là đồng chí Lê Minh Quân như nêu tại ví dụ 07; giả sử tháng 3/2026, đơn vị đồng chí Quân sáp nhập với đơn vị khác; đồng chí Quân được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/5/2026 đến ngày 30/4/2027, hưởng lương hưu hằng tháng kể từ ngày 01/5/2027 (đủ 54 tuổi); đồng chí Quân không thuộc đối tượng áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Tuy nhiên, đồng chí Quân có nguyện vọng nghỉ hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu) và hưởng lương hưu hằng tháng kể từ ngày 01/5/2026 (đủ 53 tuổi), được cấp có thẩm quyền đồng ý theo nguyện vọng; theo đó, đồng chí Quân đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ đối với đối tượng theo hướng dẫn tại Khoản này và thuộc trường hợp nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

**Điều 6. Cách tính hưởng chính sách phục viên đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp**



Trường hợp có tuổi đời từ đủ 02 năm trở lên so với hạn tuổi phục vụ cao nhất theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 Thông tư này và không đủ điều kiện hưởng chế độ nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư này; được cấp có thẩm quyền quyết định phục viên thì được hưởng chính sách quy định tại Điều 9 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp phục viên một lần cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, chế độ trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và trợ cấp tìm việc làm được hướng dẫn thực hiện, như sau:

1. Cách tính hưởng trợ cấp:

a) Trợ cấp phục viên một lần cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc

Phục viên trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp phục} \\ \text{viên cho số tháng} \\ \text{công tác có đóng bảo} \\ \text{hiểm xã hội bắt buộc} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương tháng} \\ \text{hiện hưởng quy định} \\ \text{tại khoản 2 Điều 3} \\ \text{Thông tư này} \end{array} \times 0,8 \times \begin{array}{l} \text{Số tháng để tính trợ} \\ \text{cấp phục viên quy} \\ \text{định tại khoản 3} \\ \text{Điều 4 Thông tư này} \end{array}$$

Phục viên từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp phục} \\ \text{viên cho số tháng} \\ \text{công tác có đóng bảo} \\ \text{hiểm xã hội bắt buộc} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương tháng} \\ \text{hiện hưởng quy định} \\ \text{tại khoản 2 Điều 3} \\ \text{Thông tư này} \end{array} \times 0,4 \times \begin{array}{l} \text{Số tháng để tính trợ} \\ \text{cấp phục viên quy} \\ \text{định tại khoản 3} \\ \text{Điều 4 Thông tư này} \end{array}$$

b) Cách tính hưởng trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp cho} \\ \text{mỗi năm công tác} \\ \text{có đóng bảo hiểm} \\ \text{xã hội bắt buộc} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương tháng} \\ \text{hiện hưởng quy} \\ \text{định tại khoản 2} \\ \text{Điều 3 Thông tư} \\ \text{này} \end{array} \times 1,5 \times \begin{array}{l} \text{Số năm công tác có} \\ \text{đóng bảo hiểm xã hội} \\ \text{bắt buộc quy định} \\ \text{tại khoản 4 Điều 4} \\ \text{Thông tư này} \end{array}$$

c) Cách tính hưởng trợ cấp tìm việc làm:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền trợ cấp} \\ \text{tìm việc làm} \end{array} = 03 \text{ tháng} \times \begin{array}{l} \text{Tiền lương tháng hiện hưởng quy định} \\ \text{tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này} \end{array}$$

**Ví dụ 09:** Đồng chí Lê Trung Dũng, sinh tháng 9/1994, nhập ngũ tháng 9/2014, cấp bậc Thượng úy, chức vụ Trung đội trưởng. Tháng 6/2025, đơn vị đồng chí Dũng sáp nhập với đơn vị khác. Theo quy định đồng chí Dũng không đủ điều kiện hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn Điều 5 Thông tư này. Tháng 11/2025, đồng chí Dũng được cấp có thẩm quyền quyết định phục viên (tính đến thời điểm phục viên tháng 11/2025 đồng chí Dũng có 11 năm 03 tháng

phục vụ trong Quân đội, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc) và thuộc trường hợp phục viên trong thời hạn 12 tháng đầu tiên (tính từ tháng 6/2025, Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực). Giả sử tháng tiền lương hiện hưởng trước thời điểm phục viên (tháng 10/2025) của đồng chí Dũng là 15.000.000 đồng. ngoài được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Dũng được hưởng các chế độ sau:

Trợ cấp phục viên một lần cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là:  $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,8 \text{ tháng} \times 60 \text{ tháng} = 720.000.000 \text{ đồng}$ .

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là:  $15.000.000 \text{ đồng} \times 1,5 \text{ tháng} \times 11,5 \text{ năm} = 258.750.000 \text{ đồng}$ .

Trợ cấp tìm việc làm là:  $03 \text{ tháng} \times 15.000.000 \text{ đồng} = 45.000.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền trợ cấp phục viên đồng chí Dũng nhận là: 1.023.750.000 đồng.

**Ví dụ 10:** Cùng là đồng chí Lê Trung Dũng như nêu tại ví dụ 09. Tháng 11/2026, đồng chí Dũng được cấp có thẩm quyền quyết định phục viên (tính đến thời điểm phục viên tháng 11/2026 đồng chí Dũng có 12 năm 03 tháng phục vụ trong Quân đội, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc) và thuộc trường hợp phục viên từ tháng thứ 13 trở đi (tính từ tháng 6/2025, Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực); ngoài được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Dũng được hưởng các chế độ sau:

Trợ cấp phục viên một lần cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là:  $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,4 \times 60 \text{ tháng} = 360.000.000 \text{ đồng}$ .

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là:  $15.000.000 \text{ đồng} \times 1,5 \text{ tháng} \times 12,5 \text{ năm} = 281.250.000 \text{ đồng}$ .

Trợ cấp tìm việc làm là:  $03 \text{ tháng} \times 15.000.000 \text{ đồng} = 45.000.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền trợ cấp phục viên đồng chí Dũng nhận là: 686.250.000 đồng.

2. Các trường hợp đã được hưởng trợ cấp phục viên theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thì không được hưởng chế độ trợ cấp phục viên quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 và Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16/4/2013 của Chính phủ.

**Điều 7. Cách tính hưởng chính sách nghỉ thôi việc đối với công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân**

Trường hợp có tuổi đời từ đủ 02 năm trở lên so với hạn tuổi cao nhất theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 Thông tư này và không đủ điều kiện hưởng chế độ nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư này; được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ thôi việc thì được hưởng chính sách quy định tại Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP;

trong đó, chế độ trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và chế độ trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được hướng dẫn thực hiện, như sau:

1. Cách tính hưởng trợ cấp:

a) Trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

b) Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

**Ví dụ 11:** Đồng chí Ngô Thị Thu Trà; sinh tháng 9/1996; được tuyển dụng viên chức quốc phòng tháng 9/2016; công tác tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh D. Tháng 6/2025 đơn vị đồng chí Trà sáp nhập với đơn vị khác. Theo quy định đồng chí Trà không đủ điều kiện hưởng chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư này. Tháng 12/2025, đồng chí Trà được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ thôi việc (tính đến thời điểm nghỉ thôi việc tháng 12/2025 đồng chí Trà có 09 năm 04 tháng phục vụ trong Quân đội, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc) và thuộc trường hợp nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực. Giả sử tháng tiền lương hiện hưởng trước thời điểm nghỉ thôi việc (tháng 11/2025) của đồng chí Trà là 12.000.000 đồng; ngoài được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Trà được hưởng các chế độ sau:

Trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là:  $12.000.000 \text{ đồng} \times 0,8 \text{ tháng} \times 60 \text{ tháng} = 576.000.000 \text{ đồng}$ .

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là:  $12.000.000 \text{ đồng} \times 1,5 \text{ tháng} \times 9,5 \text{ năm} = 171.000.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền trợ cấp thôi việc đồng chí Trà nhận là: 747.000.000 đồng.

**Ví dụ 12:** Cùng là đồng chí Ngô Thị Thu Trà như nêu tại ví dụ 11. Tháng 12/2026, đồng chí Trà được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ thôi việc (tính đến thời điểm nghỉ thôi việc tháng 12/2026 đồng chí Trà có 10 năm 04 tháng phục vụ trong Quân đội, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc) và thuộc trường hợp nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; ngoài được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Trà được hưởng các chế độ sau:

Trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là:  $12.000.000 \text{ đồng} \times 0,4 \text{ tháng} \times 60 \text{ tháng} = 288.000.000 \text{ đồng}$ .

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là:  $12.000.000 \text{ đồng} \times 1,5 \text{ tháng} \times 10,5 \text{ năm} = 189.000.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền trợ cấp thôi việc đồng chí Trà nhận là: 477.000.000 đồng.

2. Các trường hợp đã được hưởng trợ cấp nghỉ thôi việc theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thì không được hưởng chế độ trợ cấp nghỉ thôi việc quy định tại Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22/02/2022 và Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16/4/2013 của Chính phủ.

### **Điều 8. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ sau sắp xếp**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ cấp ủy, chỉ huy, chính ủy, chính trị viên, cơ quan nhân sự các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm sau sắp xếp. Trên cơ sở đó, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030, trong đó tập trung trong năm 2025 để đảm bảo đội ngũ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân sau sắp xếp cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ theo vị trí việc làm.

### **Điều 9. Kinh phí bảo đảm**

Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP do ngân sách nhà nước bảo đảm theo Luật Ngân sách nhà nước.

### **Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp**

1. Tổng cục Chính trị chỉ đạo:

a) Cục Chính sách - Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân trong các cơ quan, đơn vị quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

Chủ trì hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân trong các cơ quan, đơn vị quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này; phối hợp giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Cục Cán bộ

Chủ trì nghiên cứu, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hành chính hướng dẫn các tiêu chí đánh giá đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp diện cán bộ quản lý theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát tổng thể chất lượng sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp diện cán bộ quản lý; theo phân cấp xét duyệt, thẩm định, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định các trường hợp phải phục viên, nghỉ hưu trước hạn tuổi do sắp xếp thuộc đối tượng được hưởng chính sách, chế độ hướng dẫn tại Thông tư này bảo đảm chặt chẽ, đúng quy trình.

Chủ trì tổng hợp, thẩm định, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị trình Thường vụ Quân ủy Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đối tượng được hưởng chế độ phục viên, nghỉ hưu trước hạn tuổi và thông báo để các cơ quan, đơn vị thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện.

## 2. Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo Cục Quân lực

a) Chủ trì nghiên cứu, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hành chính hướng dẫn các tiêu chí đánh giá đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát tổng thể chất lượng quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; theo phân cấp xét duyệt, thẩm định, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định các trường hợp phải phục viên, nghỉ hưu trước hạn tuổi do sắp xếp thuộc đối tượng được hưởng chính sách, chế độ hướng dẫn tại Thông tư này bảo đảm chặt chẽ, đúng quy trình.

b) Chủ trì tổng hợp, thẩm định báo cáo Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu trình Thường vụ Quân ủy Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đối tượng được hưởng chế độ phục viên, nghỉ thôi việc hoặc nghỉ hưu trước tuổi và thông báo để các cơ quan, đơn vị thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện.

## 3. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

a) Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch phục viên, nghỉ thôi việc hoặc nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này; lập dự toán ngân sách bảo đảm thực hiện các chính sách, chế độ đối với các đối tượng, báo cáo Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Tài chính phân cấp theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng trong Bộ Quốc phòng hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán ngân sách thực hiện chính sách theo quy định; chi trả chính sách, chế độ và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chế độ đối với các đối tượng quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này. Chỉ đạo, kiểm tra và giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ.

## 4. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

b) Trên cơ sở hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về tiêu chí đánh giá đối với các đối tượng trong sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; cấp ủy, chỉ huy, người đứng đầu cơ quan đơn vị tiến hành rà soát tổng thể chất lượng sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân thuộc cơ quan, đơn vị mình; trên cơ sở đó, xác định đối tượng phải phục viên, nghỉ thôi việc, nghỉ hưu trước tuổi; đối tượng

đủ điều kiện do sắp xếp thuộc đối tượng được hưởng chính sách, chế độ hướng dẫn tại Thông tư này. Tổ chức xét duyệt, thẩm định theo phân cấp quản lý bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định (từ cấp cơ sở đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng); đồng thời, không để ảnh hưởng đến kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Quá trình xét duyệt, thẩm định các trường hợp được áp dụng tại Thông tư này phải gắn với quá trình xây dựng Quân đội “tinh, gọn, mạnh”. Cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên, người chủ trì cơ quan, đơn vị các cấp chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về các trường hợp được giải quyết; không để xảy ra tiêu cực, trục lợi chính sách hoặc giải quyết trái quy định.

Trường hợp trong quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị, nếu sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đủ điều kiện áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư này có đơn tự nguyện xin phục viên, nghỉ thôi việc hoặc nghỉ hưu trước tuổi thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải lập danh sách và dự toán số tiền thực hiện chính sách đối với từng trường hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; nếu không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí bảo đảm báo cáo theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, quản lý chặt chẽ tình hình; chủ động xử lý, giải quyết vướng mắc phát sinh từ cơ sở theo thẩm quyền, không đùn đẩy trách nhiệm lên trên; các vấn đề vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Bộ Quốc phòng để xem xét, giải quyết.

### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Các chế độ, chính sách hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

3. Các trường hợp thuộc các cơ quan, đơn vị thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy đã hưởng chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi, phục viên hoặc nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì không được thực hiện chính sách, chế độ hướng dẫn tại Thông tư này.

Các trường hợp thuộc đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP và Nghị định số 32/2013/NĐ-CP của Chính phủ do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 230-NQ/QUTW ngày 02/4/2022 của Quân uỷ Trung ương; Kế hoạch số 1228/KH-BQP ngày 25/4/2022 của Bộ Quốc phòng, được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) trước ngày 01 tháng 01 năm 2025, nhưng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 chưa giải quyết chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi thì được áp dụng thực hiện chính sách, chế độ hướng dẫn tại Thông tư này.

Các trường hợp thuộc đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, phục viên, thôi việc do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 230-NQ/QUTW ngày 02/4/2022 của Quân uỷ Trung ương; Kế hoạch số 1228/KH-BQP ngày 25/4/2022 của Bộ Quốc phòng; có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu), phục viên, thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 trở đi thì được áp dụng thực hiện chính sách, chế độ hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi thuộc đối tượng áp dụng thực hiện chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này mà không nghỉ chuẩn bị hưu hoặc nghỉ hưu không hết thời gian nghỉ chuẩn bị hưu theo quy định thì không được hưởng khoản tiền chênh lệch giữa tiền lương của tháng cuối cùng trước khi hưởng lương hưu với tiền lương hưu tháng đầu tiên đối với số tháng không nghỉ chuẩn bị hưu.

5. Các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu được thực hiện theo các văn bản mới.

## **Điều 12. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân lực/BTTM; Cục Cán bộ, Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ trưởng, Chủ nhiệm TCCT;
- Các Thứ trưởng BQP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài Chính, Nội vụ, LĐTĐ&XH;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- C20, C10, C41, C56, C85, C17, C37, C79;
- Vụ Pháp chế/BQP
- Cục Kiểm tra văn bản/BTP;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT/BQP, Công TTĐT
- Ngành Chính sách Quân đội;
- Lưu: VT, NCTH, Q...

**BỘ TRƯỞNG**